

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-11-2021

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Hạnh Thi.

2. Ông Đinh Công Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Lê A Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Như A, sinh ngày 29/3/1988.

Địa chỉ: Số 175, ấp Thanh Phong, xã B, huyện P, tỉnh Long An.

Tạm trú: Số 418/12B Lê Văn Quới, Khu phố 11, phường H, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn V, sinh ngày 24/7/1973.

Địa chỉ: Số 12310 Crest Lake Dr, Houston, TX, 77072, USA (Hoa Kỳ).

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Như A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2018, bà và ông Nguyễn Tấn V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Long An, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17/TLKH-BS ngày 31 tháng 01 năm 2018. Sau khi kết hôn xong, chung sống với nhau được khoảng 01 tháng, từ đó cho đến nay cả hai bên không liên hệ qua lại và thực tế hai bên đã ly thân 02 năm, ông Nguyễn Tấn V đã về Hoa Kỳ, hiện nay không còn sống chung. Vừa qua, bà cũng đã có thời gian suy

nghĩ kỹ. Sau khi đã suy nghĩ kỹ xong, bà nhận thấy giữa bà với ông Nguyễn Tấn V có đời sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân cũng không đạt được gì hết. Nay, bà kính đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Không có.
- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác: Không có.

Đồng thời, vì điều kiện công việc không thể về để trực tiếp tiến hành thủ tục ly hôn nên bà kính đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho bị đơn Nguyễn Tấn V theo Công văn số 46/TA-DS ngày 22/4/2021 và Bộ Tư pháp đã có Công hàm số 1561/CH-BTP ngày 24/6/2021 gửi cho Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ để thực hiện việc tổng đạt các giấy tờ theo quy định cho ông V.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn xin ly hôn, trích lục kết hôn, bản tự khai, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Công văn số 46/TA-DS ngày 22/4/2021, Công hàm số 1561/CH-BTP ngày 24/6/2021, Công văn số 3279/BTP-PLQT ngày 18/11/2021, Công hàm số 0075967471 ngày 09/9/2021 và tài liệu khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến như sau:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo tố tụng.

- Về nội dung: Bà A và ông V kết hôn với nhau năm 2018 có đăng ký kết hôn và được UBND huyện P được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 31/01/2018. Sau khi kết hôn sống chung với nhau được 01 tháng thì ông V về Mỹ, từ đó hai bên không liên lạc qua lại và thực tế đã ly thân 2 năm. Nay bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó, bà A khởi kiện xin ly hôn với ông V.

Xét thấy, bà A không còn tình cảm với ông V, cuộc hôn nhân của bà A không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về tài sản chung, nợ chung, con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bà Trần Như A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn V nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.2] Theo Công văn số 3279/BTP-PLQT ngày 18/11/2021 của Bộ Tư pháp và Công hàm số 0075967471 ngày 09/9/2021 của Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Tấn V 07 lần vào các ngày 05/8/2021, ngày 10/8/2021, ngày 13/8/2021, ngày 14/8/2021, ngày 17/8/2021, ngày 21/8/2021 và ngày 23/8/2021 nhưng không thực hiện được; đồng thời bà Trần Như A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt hai bên đương sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Theo Trích lục kết hôn số 17/TLKH-BS ngày 03/02/2020 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Long An thì bà Trần Như A và ông Nguyễn Tấn V là vợ chồng hợp pháp.

[3.2] Bà Trần Như A và ông Nguyễn Tấn V tự nguyện quen biết, tiến đến hôn nhân hợp pháp và sống cùng nhau khoảng 01 tháng tại Việt Nam, sau khi cưới nhau vào đầu năm 2018. Sau đó, ông V trở về Hoa Kỳ và không còn liên lạc với bà A trong thời gian đã hơn 03 năm. Điều này chứng tỏ ông V không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà A; làm cho vợ chồng không thực hiện được nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình như Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đã quy định. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Như A và ông Nguyễn Tấn V đã *".... lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

[3.3] Về con chung: Bà Trần Như A khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Bà Trần Như A khai không có và không có người nào khác yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.6] Về cấp dưỡng: Bà Trần Như A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ đó thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận và lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Bà Trần Như A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Như A.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Như A được ly hôn với ông Nguyễn Tấn V.

[2] Về con chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc bà Trần Như A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà A đã nộp theo biên lai thu số 0003097 ngày 25/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

[7] Về lệ phí ủy thác tư pháp: Buộc bà Trần Như A phải chịu 200.000 đồng nhưng được khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng mà bà A đã nộp theo biên lai thu số 0003819 ngày 25/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

[8] Về chi phí ủy thác tư pháp: Buộc bà Trần Như A phải chịu 5.066.948 đồng (đã nộp xong).

[9] Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Ủy ban nhân dân huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cảnh